TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2017/HNGĐ – ST
Ngày: 10-8-2017
"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Quang Liêu và ông Nguyễn Mạnh Dũng.
- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Nguyễn Mạnh Hùng– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước* không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 205/2017/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017, về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng".Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2017/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017giữa:

- Nguyên đơn: chị Đinh Thị Mỹ D, sinh năm: 1974
- Bị đơn: anh Trần Văn T, sinh năm: 1975

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đinh Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh T tự nguyện cung sống từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn, lý do chị và anh T suy nghĩ chỉ cần chị và anh T thương yêu nhau cùng chung sống với nhau chứ không cần phải đăng ký kết hôn, mặt khác do anh chị không hiểu biết quy định của pháp luật. Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về mặt tình cảm. Hiện nay, chị thấy không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị với anh T là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh T có 01 người con chung là Trần Phương TH sinh năm 2009. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu TH. Tuy nhiên, nếu nguyện vọng của cháu TH được ở với ai thì chị cũng đồng ý. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2017 chị yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích đất 45m^2 tại thôn 2, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước là tài sản riêng của chị, ngày 14/7/2017 và tại phiên tòa chị D rút phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích đất 45m^2 tại thôn 2 xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai bị đơn anh Trần VănT trình bày:

Anh đồng ý với toàn bộ lời trình bày của chị D về thời gian anh và chị D tự nguyện chung sống từ năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn, do không hiểu biết quy định của pháp luật. Đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là về mặt tình cảm, nay anh đồng ý Tòa giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị D

Về con chung: Anh và chị D có 01 người con chung là Trần Phương TH sinh ngày 10/9/2009. Tùy theo nguyện vọng của cháu TH được ở với ai thì anh cũng đồng ý. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Mỹ D và anh Trần Văn T tự nguyện chung sống nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Trong thời gian chung sống thì do xảy ra mâu thuẫn, hiện nay chị D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T. Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị D, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Đinh Thị Mỹ D và anh Trần Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị D và anh T có 01 người con chung, họ tên là Trần Phương TH sinh ngày 10/9/2009. Theo biên bản lời khai của anh T thì anh đồng ý nguyện vọng của cháu TH về việc người trực tiếp nuôi dưỡng cháu TH. Theo Biên bản lời khai ngày 31/7/2017 thì cháu TH có nguyện vọng được ở với ba cháu là anh T. Tại phiên tòa chị D cũng đồng ý giao cháu TH cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng. Vì vậy, cần giao cháu TH cho anh T trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản: Tại đơn khởi kiện ngày 26/6/2017 chị yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích đất 45m^2 tại thôn 2, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước là tài sản riêng của chị, tuy nhiên ngày 14/7/2017 và tại phiên tòa chị D rút phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản đối với diện tích đất 45m^2 tại thôn 2 xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hiện nay chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị D về phần tài sản là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về tài sản mà chị D đã rút. Phía bị đơn anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35,147, 244, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 14, 81, 82,83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị Mỹ D. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Đinh Thị Mỹ D và anh Trần Văn T là vợ chồng.

2.Về con chung: Giao cháu Trần Phương TH sinh ngày 10/9/2009 cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3.Về tài sản: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu công nhận tài sản riêng của nguyên đơn chị Đinh Thị Mỹ D.

Đương sự có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét.

4.Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5.Về án phí: buộc nguyên đơn chị Đinh Thị Mỹ D phải nộp 300.000đ án phí HNGĐ – ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 600.000đ theo Biên lai số 0021394, ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại số tiền còn lại cho chị D là 300.000đ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi Nhận:
- *TAND tỉnh Bình phước;*
- *VKSND huyện Bù Đăng;*
- *CC THADS huyện Bù Đăng;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà